TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Trần Thị Nguyệt Bình

2.Ông Tạ Văn Việt

- ***Thư ký phiên tòa*:**Bà Mai Thị Chiêm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa :*** Ông Trần Thông - Kiểm sát viên.

Ngày **20** tháng **6** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện BB xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 59/ 2019/ TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, tỉnh BTh

-Bị đơn: Ông Mai Văn V, sinh năm 1967(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, tỉnh BTh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

1.Về hôn nhân: Bà và ông Mai Văn V tự nguyện yêu nhau có gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà và ông V sống chung tại nhà mẹ bà.Đến năm 1994, bà cùng ông V và các con về nhà cha mẹ anh V sống chung với cha mẹ chồng. Do nhà chồng đông con cháu nên cha mẹ anh V cho đất xây nhà ở riêng từ năm 1998 tại thôn Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, tỉnh BTh.

Bà cùng ông Mai Văn V sống chung hạnh phúc đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông V thay đổi tính tình, thường xuyên uống rượu chưởi và đuổi bà nên bà và ông V không còn sống chung hạnh phúc,tình cảm không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân giữa bà và ông Mai Văn V theo qui định pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V có 03 người con chung: 1/Mai Thị Hồng H, sinh ngày 24/5/1989, 2/ Mai Đức T, sinh ngày 15/91996 và 3/Mai Thị Hồng Ph, sinh 05/01/2000. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết

*Đối với bị đơn ông Mai Văn V trình bày tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019 cũng như trong quá trình tố tụng: Ông V thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị T sống chung như vợ chồng gần 30 năm nhưng không đăng ký kết hôn.Sau khi sống chung ông và bà T không hợp nhau nên đã ly thân 08 năm nay.Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà Nguyễn Thị T và đề nghị xử không công nhận ông V và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Thống nhất giữa ông và bà T có 03(Ba) người con chung như bà T trình bày và các con đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

Tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân giữa bà và ông Mai Văn V theo pháp luật.

- Ông Mai Văn V đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà Nguyễn Thị T vì ông và bà T không hợp nhau.

Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình kiểm sát việc xét xử và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 và khoản 2 Điều 196, Điều 175, Điều 196, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự qui định tại Điều 203, Điều 233 BLTTDS.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V sống chung với nhau từ năm 1988 đến nay, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị xử không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V là vợ chồng.Về con chung: 1/Mai Thị Hồng H, sinh ngày 24/5/1989, 2/ Mai Đức T, sinh ngày 15/9/1996 và 3/Mai Thị Hồng Ph, sinh 05/01/2000. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V sống chung như vợ chồng từ năm 1988, không đăng ký kết hôn nhưng có con chung nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân giữa bà và ông Mai Văn V là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1988 cho đến nay, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.Vì vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên bà T không tiếp tục sống chung với ông V và yêu cầu ly hôn theo qui định pháp luật, ông V đồng ý và đề nghị xử hôn nhân giữa họ không phải là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V là vợ chồng.

[3]Về con chung: Mai Thị Hồng H, sinh ngày 24/5/1989, Mai Đức T, sinh ngày 15/9/1996 và Mai Thị Hồng Ph, sinh 05/01/2000.Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]Tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:[1]Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn V là vợ chồng.

[2]Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016132 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB.Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BB.
- Đương sự
- UBND xã Phan Rí Th
- Lưu HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo